TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-5-2022
"V/v tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thị Thi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Vững**.

2. Ông **Nguyễn Văn Ánh**.

- Thư ký phiên toà: Bà **Võ Thị Búp** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 350/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021, về việc *"Tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2022, giữa:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp 4, xã MĐ, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Phạm Trung D**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp 5, xã MĐ, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H có mặt tại phiên tòa, anh D vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D do tự nguyện quen biết và chung sống với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đông, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp vào ngày 25/7/2011. Thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc. Thời gian sau vợ chồng bất đồng quan điểm và thường xuyên cự cãi nhau, do anh D thường xuyên nhậu nhẹt, ghen tuông vô cớ về nhà

kiếm chuyện cự cãi và dùng lời lẽ xúc phạm, hâm dọa chị. Vì thương chồng, thương con chị cố gắng chịu đựng mong chờ anh D sửa đổi nhưng anh D vẫn không thay đổi. Chị và anh D đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung, không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị đã về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống từ khoảng tháng 09/2021 và ly thân với anh D từ đó cho đến nay. Nay chị thấy hạnh phúc hôn nhân không còn nếu kéo được nữa, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

- Về quan hệ nuôi con: Có 02 con chung tên Phạm Tiến X, sinh ngày 13/6/2017 và Phạm Thị Ngọc S, sinh ngày 12/08/2010, hiện Tiến X và Ngọc S đang sống với vợ chồng chị.

Theo đơn khởi kiện thì chị H trình bày là khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng Tiến X và yêu cầu anh D cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Đối với Ngọc S có nguyện vọng theo ai người đó nuôi và người còn lại cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, chị H thay đổi trình bày là Tiến X hiện đang sống chung với chị, còn Ngọc S đang sống chung với anh D, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng Tiến X và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung Tiến X, còn đối với Ngọc S, chị H đồng ý giao Ngọc S cho anh D nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con chung Ngọc S.

- Về quan hệ tài sản: Không có.

- Về quan hệ nợ: Theo đơn khởi kiện thì chị trình bày về nợ không có. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị thay đổi trình bày là về nợ không có nợ ai và cũng không cho ai nợ. Chị cam kết lời trình bày này của mình nếu sau này có ai kiện đòi nợ chị và anh D thì chị xin chịu trách nhiệm cùng với anh D. Ngoài ra, chị không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Theo ý kiến tại tờ tự khai anh Phạm Trung D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và vợ anh tự nguyên quen nhau và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đông, huyện Tháp Mười. Vợ chồng chung sống với nhau được 11 năm. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng 04 năm trở về sau có sinh ra mâu thuẫn cự cãi nhau về chuyện gia đình làm ăn không được trong mùa dịch, nên vợ chồng mới phát sinh cự cãi nhưng anh không bao giờ đánh vợ. Nay vợ anh yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý, anh có năn nỉ vợ hứa sẽ sửa đổi do anh còn thương vợ con.

- Về quan hệ nuôi con: Có 02 con chung tên Phạm Tiến X và Phạm Thị Ngọc S. Nếu Tòa án cho ly hôn, về con chung Ngọc S trên 7 tuổi theo nguyện vọng của con, muốn theo ai thì theo, nếu Ngọc S có nguyện vọng theo mẹ thì anh không cấp dưỡng, còn con chung Tiến X anh đồng ý để cho mẹ nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản: Không có.

- Về quan hệ nợ: Không có.

** Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Trích lục kết hôn (bản sao).

+ Giấy khai sinh con chung (bản sao).

+ Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Ngọc H và sổ hộ khẩu (bản photo).

+ Tờ tự khai tên Phạm Thị Ngọc S (bản chính).

+ Đơn xin xác nhận của Công an xã Mỹ Đông (bản chính).

- Bị đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Căn cước công dân (bản photo).

+ Tờ tự khai (bản chính).

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Không.

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 18 tháng 3 năm 2022.

** Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất*: Không.

** Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị H về việc yêu cầu được ly hôn với anh D. Ngoài ra, các đương sự không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là *"Tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp 5, xã Mỹ Đông, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

- Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Tòa án thì Hội thẩm nhân dân là ông Lê Văn Vững và ông Lê Hoàng Thọ. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do ông Thọ bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa thay thế bằng ông Nguyễn Văn Ánh là Hội thẩm nhân dân dự khuyết. Đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng

xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D tự nguyện quen biết và sống chung với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Đông, huyện Tháp Mười và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/7/2011. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thì chị H và anh D có nhiều mâu thuẫn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì chị H trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm và thường xuyên cự cãi nhau, anh D thường xuyên nhậu nhẹt, ghen tuông vô cớ về nhà kiếm chuyện cự cãi và dùng lời lẽ xúc phạm, hâm dọa chị. Tại tờ tự khai ngày 28/12/2021, anh D thừa nhận trong thời gian chung sống, thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng 04 năm trở về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cự cãi nhau về chuyện gia đình không làm ăn được. Trong quá trình chung sống chị H và anh D đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra, theo lời trình bày của chị H thì chị và anh D đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung, không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị đã về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống từ khoảng tháng 09/2021 và ly thân với anh D từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh D không quan tâm, chăm sóc nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo và không gặp nhau để hàn gắn tình cảm.

Xét thấy, trong thời gian chung sống chị H và anh D đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn cự cãi nhau. Ngoài ra, chị H và anh D đã ly thân nhau từ tháng 09/2021 đến nay, trong thời gian ly thân thì hai bên không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm gì, từ đó cho đến nay cuộc sống của ai thì người đó lo, không ai chăm sóc cho ai là đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng và tình trạng hôn nhân đã trầm trọng. Đồng thời, tại tờ tự khai anh D trình bày không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H nhưng anh D mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm, điều này cho thấy anh D không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên tòa sơ thẩm thì chị H xác định không còn tình cảm gì và cương quyết xin ly hôn với anh D. Do đó, có đủ cơ sở xác định đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy hôn nhân giữa chị H và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về quan hệ nuôi con: Quá trình chung sống chị H và anh D có 02 con chung tên Phạm Tiến X, sinh ngày 13/6/2017 và Phạm Thị Ngọc S, sinh ngày

12/08/2010, hiện Tiến X đang sống chung với chị H, còn Ngọc S đang sống chung với anh D.

Xét từ khi chị H và anh D ly thân với nhau cho đến nay thì con chung Tiến X sống với chị H tại ấp 4, xã MĐ, còn con chung Ngọc S sống với anh Dtại ấp 5, xã MĐ, Ngọc S được anh D cho đi học bình thường như bao đứa trẻ khác cùng trang lứa. Do đó, về môi trường sống của Tiến X, Ngọc S đã ổn định, được chăm sóc chu đáo, có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần, đồng thời Ngọc S đã có môi trường học tập ổn định. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng Tiến X, còn đối với Ngọc S, chị H đồng ý giao cho anh D nuôi dưỡng. Đồng thời, tại tờ tự khai ngày 28/12/2021 thì anh D trình bày nếu Tòa án cho ly hôn, anh D đồng ý giao con chung Tiến X cho chị H nuôi dưỡng, còn Ngọc S trên 07 tuổi theo nguyện vọng của con muốn sống chung với ai. Ngoài ra, tại tờ tự khai ngày 24/01/2022, Ngọc S có nguyện vọng sống chung với cha khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung Ngọc S cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng và giao con chung Tiến X cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, nên chấp nhận yêu cầu của chị H.

Về phần cấp dưỡng nuôi hai con chung Ngọc S và Tiến X: Khi ly hôn chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung Tiến X, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết, còn đối với con chung Ngọc S thì anh D không có ý kiến hoặc yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Chị H, anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về quan hệ tài sản: Chị H trình bày vợ chồng không có, tại tờ tự khai ngày 28/12/2021 anh D trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Chị H trình bày không có nợ ai và cũng không cho ai nợ, tại tờ tự khai ngày 28/12/2021 anh D trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa hai bên hoặc người thứ ba có phát sinh tranh chấp về quan hệ nợ thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Tại phiên không tiến hành hòa giải được và phiên tòa sơ thẩm thì đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[6] Về án phí:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị H phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với anh Phạm Trung D.

2. Về quan hệ nuôi con: Chị Nguyễn Thị Ngọc H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phạm Tiến X, sinh ngày 13/6/2017. Anh Phạm Trung D không phải cấp dưỡng nuôi con chung Tiến X, do chị H không có yêu cầu.

Anh Phạm Trung D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thị Ngọc S, sinh ngày 12/08/2010. Chị Nguyễn Thị Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung Ngọc S, do anh D không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về quan hệ tài sản: Không có.

4. Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai số 0001809, ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- UBND xã Mỹ Đông;
- Lưu hồ sơ vụ án: (B).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thị Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lê Hoàng Thọ – Lê Văn Vững	**Nguyễn Minh Phường**